

PHÂN TÍCH TÁC PHẨM

SAU PHÚT CHIA LY - VĂN MẪU 7

Đề bài: Phân tích bài Sau phút chia ly

Bài mẫu hay nhất

Đoạn trích Sau phút chia ly của Đặng Trần Côn mang giá trị nhân đạo sâu sắc. Tuy ngắn ngủi nhưng cũng đủ để thể hiện tâm trạng, nỗi đau xót của người vợ sau phút chia ly để chồng ra chiến trận. Qua đó tác phẩm còn thể hiện cái nhìn nhân văn, cảm thông sâu sắc của tác giả.

Khi đất nước xảy chiến tranh, người dân phải sống trong cảnh cơ cực, gia đình li tán. Khúc ngâm chính là nỗi lòng của người phụ nữ có chồng ra chiến trận. Bởi vậy mà mỗi câu thơ đều như những lời thở than, ai oán và bất lực khi tiễn chồng ra đi. Ngay từ những câu thơ đầu tiên tác giả đã vẽ nên khung cảnh chia ly đầy đau đớn của đôi vợ chồng trẻ:

Chàng thì đi cõi xa mưa gió

Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn

Đoái trông theo đã cách ngăn

Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh

Sử dụng nghệ thuật đối lập: chàng đi – thiếp về, hai con người chia ly về hai ngã, câu thơ vang lên đầy đau đớn, chua xót. “Cõi xa mưa gió” phải chăng chính là hiện thực chiến tranh khốc liệt với biết bao hiểm nguy, không hẹn ngày về; “Buồng cũ chiếu chăn” lại gợi không gian cô đơn, lẻ bóng đến tận cùng. Tình cảnh đối lập như cửa, như sát vào lòng người chinh phụ. Chỉ một phút chia ly mà ngoảnh lại tưởng chừng đã cách xa vạn dặm, cách nói “tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh” cho thấy sự cách trở không chỉ còn hiện lên trong suy nghĩ, tâm tưởng mà là sự xa cách thực, khoảng cách về không gian, địa lý.

Bốn câu thơ tiếp theo diễn tả nỗi nhớ tha thiết, khắc khoải:

Chốn Hàm Dương chàng còn ghé lại

Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang

Bến Tiêu Tương cách Hàm Dương

Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.

Nghệ thuật đối lập, tương phản tiếp tục được tác giả sử dụng một cách tài tình: chàng ngán lại – thiếp trông sang, cùng với đó là cách điệp ngữ: Tiêu Tương, Hàm Dương được lặp đi lặp lại đã khắc sâu, tô đậm nỗi buồn, cô đơn đầy ám ảnh của người chinh phụ. Sử dụng hai địa danh mang tính ước lệ Hàm Dương và Tiêu Tương cách xa nhau vạn dặm còn khắc họa, tô đậm sự xa cách của đôi vợ chồng. Đến những câu thơ cuối cùng sự xa cách ấy dường như không còn có thể đong đếm bằng khoảng cách địa lý được nữa: “Ngàn dâu xanh ngắt một màu” nỗi sầu chia li đã đẩy lên đến cực độ, gọi cảnh trời cao, đất rộng, thăm thẳm mênh mông không có giới hạn. Giữa không gian rộng ngợp, bao la ấy dù chàng hay nàng ngoảnh lại cũng chẳng còn thấy nhau được nữa. Tình cảnh thật bi thương, ái ngại. Kết thúc bài thơ là câu hỏi đầy chua xót: “Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?”. Hỏi đây mà thực ra lại là tự vấn chính mình. Câu hỏi nêu ra không phải để so sánh chàng sầu hơn hay thiếp sầu hơn mà nó chỉ nhằm khắc họa thêm nỗi sầu, nỗi đau đớn khi phải chia lìa.

Ngôn từ điêu luyện, hàm súc, mang tính ước lệ, lời ít ý nhiều. Sử dụng linh hoạt nghệ thuật đối lập tương phản cho thấy tâm trạng đau đớn của người chinh phụ phải tiễn chồng ra trận. Nghệ thuật điệp từ: chẳng thấy, Tiêu Tương, Hàm Dương,.. nhấn mạnh vào nỗi sầu, cô đơn khắc khoải của người chinh phụ.

Đoạn trích Sau phút chia li đã cho thấy nỗi sầu chia li, nỗi đau đớn, xót xa lúc tiễn chồng ra trận. Qua những dòng tâm sự thấm đẫm nước mắt của người chinh phụ còn gián tiếp lên án chiến tranh phi nghĩa đã khiến đôi lứa phải chia lìa, đồng thời thể hiện kín đáo khát vọng hạnh phúc lứa đôi. Tác phẩm thể hiện giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc.

Bài mẫu 1

“Sau phút chia ly” trích Chinh phụ ngâm khúc của Đặng Trần Côn là khúc ngâm cửa sâu vào lòng người đọc nhiều nỗi niềm xót xa. Có người cho rằng đoạn trích này là của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, nhưng có người lại nói của Phan Huy Ích. Tuy nhiên của nhà thơ nào thì nó vẫn là những áng thơ phản ánh chân thực, sâu sắc nhất tình cảnh lẻ loi, đơn độc của người phụ nữ khi có chồng ra trận. Đoạn trích này thực sự đã lột tả được tình cảnh thê lương của những cặp vợ chồng trẻ trong năm tháng chiến tranh ác liệt.

Thời kì phong kiến, có nhiều cuộc chiến tranh phi nghĩa diễn ra đã lôi kéo rất nhiều người vào vòng xoáy này. Cuộc sống cơ cực, nỗi chia ly, tan tác cứ triền miên không có lối thoát. Khúc ngâm này chính là tiếng khóc ai oán của người chinh phụ khi có chồng ra trận mà không hẹn ngày về. Với những đặc trưng của thể ngâm cũng như của thơ Nôm, tác giả đã lột tả được diễn biến tâm lí một cách sâu sắc nhất.

Ngay từ những câu thơ đầu đã nói lên tình cảnh chia ly đầy đau đớn và xót xa của đôi vợ chồng trẻ. Tác giả đã diễn tả một cách chân thực, sâu sắc tâm trạng u sầu này:

Chàng thì đi cõi xa mưa gió

Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn

Đoái trông theo đã cách ngăn

Tuôn màu mây biếc trái ngàn núi xanh

Chỉ với 4 câu thơ nhưng đã khắc họa rõ nét tâm trạng của người vợ trẻ sau khi tiễn chân chồng ra trận. Một tình cảnh đối lập, khắc nghiệt đến tái tê được gọi lên trong không gian dài và rộng, sâu và xa. Chàng và thiếp, mỗi người một ngả, mỗi người một nơi. Biện pháp tương phản được tác giả sử dụng một cách khéo léo. Là vợ chồng trẻ, gắn bó mặn nồng với nhau nhưng lại chia ly đau lòng nhưng chỉ biết câm nín.

Cụm từ “cõi xa mưa gió” giàu sức gợi tả, không chỉ là mưa gió của thiên nhiên khắc nghiệt mà có lẽ còn để diễn tả sự khốc liệt của chiến tranh ngoài kia. Đối lập với “cõi xa mưa gió” là “buồng cũ chiếu chăn” người vợ trở về. Một bên khốc liệt, một bên cô đơn, lẻ bóng đến tái tê lòng. Tình cảnh đối lập, không gian đối lập đó cửa vào lòng người nỗi thương xót tột cùng.

Người vợ trẻ còn “đoái trông theo” nhưng không gian mênh mê, chỉ thấy cách biệt, không thấy tương phùng. Chữ “đoái” như nặng nề và da diết khi phải chứng kiến cảnh biệt li như vậy. Ở câu thơ cuối, tác giả dùng từ “tuôn” như tạo điểm nhấn cho đoạn trích. Nó vừa diễn tả chiều dài, vừa diễn tả chiều rộng. Màu xanh của đất trời bao phủ lấy không gian chia ly tan tác này. Màu xanh khiến cho lòng người thêm nặng nề và u sầu hơn.

Nỗi nhớ thương đau đáu được diễn tả ở cấp bậc cao hơn ở những câu thơ tiếp theo:

Chón Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại

Bén Tiêu Tương thiếp hãy trông sang

Khỏi Tiêu Tương cách Hàm Dương

Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng

Nghệ thuật đối lập tiếp tục được tác giả sử dụng triệt để: Chón hàm dương < bén tiêu tương, chàng còn ngoảnh lại < thiếp hãy trông sang. Cùng với biện pháp đảo trật tự cú pháp thì biện pháp tương phản càng gợi nên sự chia li, cách trở đến nỗi. Hơn nữa, việc mượn các địa danh phần nào nhắc đến cuộc chiến tranh phi nghĩa đã gây ra bao li tán, loạn lạc. Sự xa xôi cách trở về mặt địa lý đã khiến cho nỗi nhớ cứ chồng chất muôn trùng... hạnh phúc trở nên mong manh và xa xôi quá. Ở khổ thơ này, tác giả đã gián tiếp

lên án cuộc chiến tranh phi nghĩa đã gây ra bao ai oán, bao tiếng khóc, bao đau xót đáng nhẽ không xảy ra.

Đặc biệt ở khổ thơ cuối thì nỗi đau càng trở nên quặn thắt và não nề hơn:

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

Nhịp thơ biến đổi linh hoạt như lòng rối như tơ vò của người chinh phụ vò vò một mình nơi buồng chiếu cô đơn, gối chiếc. Người chồng đã đi xa cách biệt, ngoảnh lại trông theo sao chẳng thấy. Màu xanh của ngàn dâu đã che mờ đi hình dáng của người chinh phu ấy. Nghe sao thê lương, nghe sao nhói lòng đến thế. Người ở cứ dùng dằng, cứ nhớ mong đằng đẵng triền miên đến như vậy.

Tứ thơ ở 4 câu này được viết theo kết cấu vòng tròn như tăng tiến thêm nỗi nhớ, nỗi mong đau đáu của người ở lại. Màu xanh vốn là màu của hi vọng nhưng trong câu thơ này nó lại là màu của li biệt, của đau thương, của những chuyện chẳng lành.

Câu hỏi tu từ ở cuối đoạn trích như dao cứa “Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?” Hỏi người nhưng cũng là tự hỏi bản thân mình. Hỏi người có sầu hơn không nhưng câu thơ lại không có ý so sánh ai sầu hơn ai. Dường như nó chỉ muốn nhấn mạnh rằng nỗi sầu thương đã rơi vào bế tắc đến cùng cực mà thôi.

Đoạn trích “Sau phút chia ly” đã khắc họa được diễn biến tâm lí của người ở lại khi phải chứng kiến cảnh chồng ra trận không hẹn ngày về. Qua đó tác giả tố cáo chiến tranh phi nghĩa đẩy con người vào tình cảnh đó.

Bài mẫu 2

Trong cuộc đời con người, khi phải chia tay tiễn biệt - người thân, hoặc bạn bè - ai mà chẳng buồn rầu. Trong các cuộc chia tay, đưa tiễn, có lẽ cuộc tiễn đưa người thân ra trận để lại trong lòng người nhiều nỗi buồn lo nhất. Tác phẩm Chinh phụ ngâm khúc đã ghi lại cuộc chia tay như thế và hơn thế là : người chồng ấy ra đi không phải vì dân vì nước mà vì quyền lợi của giai cấp thống trị, ra đi để đàn áp những cuộc khởi nghĩa của nông dân ở nửa đầu thế kỉ XVIII trong xã hội phong kiến Việt Nam. Do đó, khi tiễn chồng ra đi, người vợ đã vô cùng buồn lo, sầu muộn.

Đoạn trích Chinh phụ ngâm khúc mà chúng ta được đọc trong sách Ngữ văn 7, tập một chính là một cuộc chia li ngập tràn nỗi buồn lo sầu muộn đó:

Chàng thì đi cõi xa mưa gió

Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn

...

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai?

Điều đầu tiên ta cần lưu ý là: Tác phẩm Chinh phụ ngâm khúc do ông Đặng Trần Côn sáng tác (khoảng năm 1741 - 1742) bằng chữ Hán, theo thể thơ tự do cô điển. Sau đó, tác phẩm được một nữ sĩ cùng thời là bà Đoàn Thị Điểm dịch sang tiếng Việt (viết bằng chữ Nôm), theo thể thơ song thất lục bát. Song thất lục bát là thể thơ do chính người Việt Nam chúng ta sáng tạo ra. So với thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú và lục bát, thơ song thất lục bát có nhạc tính phong phú hơn. GS. Phan Ngọc từng nhận xét : "Cần phải có hình thức ấy, tình cảm mới có thể mang hình thức một đợt sóng đi lên với hai câu thất, dừng lại ở câu lục ngắn gọn để toả ra trong câu bát dài nhất rồi lại vươn lên trong một khổ mới, cứ thế, đợt sóng tình cảm lên xuống ăn khớp với hình thức của ngôn ngữ". Tác phẩm Chinh phụ ngâm khúc là một bài thơ song thất lục bát, dài tới 408 câu đã thể hiện muôn vàn đợt sóng tình cảm của người chinh phụ - người vợ có chồng ra trận. Đoạn thơ trích nói trên tập trung thể hiện tình cảm hai vợ chồng trong những ngày đầu chia li. Đoạn thơ gồm ba khổ song thất lục bát, mười hai câu thơ, mỗi khổ ghi lại một cung bậc tình cảm.

Khổ thơ thứ nhất:

Chàng thì đi cõi xa mưa gió

Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn

Doái trông theo đã cách ngăn

Tuôn màu mây biếc, trái ngàn núi xanh.

Ghi cảm xúc phút đầu chia li. Tác giả dùng nghệ thuật đối lập : Chàng thì đi... thiếp thì về, miêu tả thật chính xác cảnh hai vợ chồng, hai phương trời đối nghịch mỗi lúc một cách xa nhau. Chồng đi vào cõi xa mưa gió biết bao gian khổ. Còn vợ thì buồng cũ chiếu chăn, sống cảnh đơn độc, vô võ, mòn mỏi với những đồ vật cũ kĩ, tàn tạ. Sự ngăn cách đã là sự thật khắc nghiệt. Nỗi sầu chia li nặng nề tưởng như phủ lên màu biếc của trời mây, trải vào màu xanh của núi ngàn. Các động từ "tuôn", "trái" kết hợp hình ảnh mây biếc, núi xanh gợi lên cái mênh mang, nét vắn vỹ, quần quai của thiên nhiên vũ trụ khiến nỗi buồn chia li thêm da diết, rộng lớn tưởng đến không cùng.

Nỗi buồn chia li tăng dần, trở thành nỗi sầu muộn dâng lên tràn ngập cả cõi lòng kẻ ở người đi.

Chón Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại

Bén Tiêu Tương thiếp hãy trông sang

Bén Tiêu Tương cách Hàm Dương

Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.

Những địa danh Hàm Dương, Tiêu Tương không phải dùng để tả thực mà chỉ mang ý nghĩa tượng trưng cho hai vị trí xa cách của đôi vợ chồng. Ở khổ thơ thứ hai này, cũng vẫn bằng cách nói tương phản "Chàng còn ngoảnh lại... Thiếp hãy trông sang" phối hợp cách điệp từ và đảo vị trí của hai địa danh "Chón Hàm Dương - Bén Tiêu Tương, Bén Tiêu Tương - Cây Hàm Dương", tác giả muốn chia đều cảm xúc của hai người, nhấn mạnh nỗi sầu xa cách. Tình cảm buồn thương, nhưng nhớ cứ tăng dần, tăng dần. Điều đó cho thấy sự chia li ở đây là chia li về cuộc sống và thể xác, còn trong tình cảm, tâm hồn hai vợ chồng ấy vẫn gắn bó thiết tha. Họ vẫn hướng về nhau, dõi theo, để tìm nhau, nhìn thấy nhau. Nhưng càng hướng về nhau thì không gian, thời gian càng đẩy họ xa nhau. Ở đoạn trên chỉ là "cách ngăn" đến đây sự cách ngăn thành "cách mấy trùng". Do đó, lời thơ không chỉ biểu hiện nỗi sầu chia li mà còn nhấn mạnh sự oái oăm, nghịch chướng: gắn bó mà phải chia xa, càng dõi nhìn nhau, càng không thấy nhau...

Đến khổ thơ thứ ba thì nỗi sầu chia li, cảnh nghịch chướng càng tăng thêm nữa:

Càng trông lại mà càng chẳng thấy

Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

Ở đoạn này, nghệ thuật đối nghịch được bổ sung bằng những điệp từ, điệp ngữ rất ấn tượng: cùng, thấy, xanh xanh, xanh ngắt, ngàn dâu,... Ở trên, ít ra còn có tên hai địa danh Hàm Dương và Tiêu Tương gợi một ý niệm về địa điểm cụ thể, về vị trí hai người để có thể hướng tới nhau. Đến đây, mọi địa điểm, vị trí bị xoá mờ, hai hình hài chàng và thiếp cũng bị xoá mờ. Chỉ còn lại ngàn dâu, rất nhiều ngàn dâu nói nhau "xanh xanh" rồi "xanh ngắt" mênh mông khắp trời. Choán tất cả vũ trụ là màu xanh, xanh đến rợn ngợp, xanh nào né, nhưc buốt tận đáy lòng. Từ ghép "xanh ngắt" với thanh "sắc" ở tiếng "ngắt" như mũi kim chích vào da thịt vậy. Tất cả, mười một câu thơ ở trên tập trung tả cảnh, tả cử chỉ của đôi vợ chồng, từ đó biểu hiện tâm tư, tình cảm. Đó là kiểu văn biểu cảm, mượn cảnh để biểu lộ tâm hồn. Qua cảnh vật và sự việc, người đọc thấm thía cảm xúc của nhân vật

và của tác giả. Nhân vật trong đoạn thơ này là hai vợ chồng người lính trận, chủ yếu là nhân vật chinh phụ, người chồng ra trận. Họ chia li về hình hài thể xác, nhưng tình thương và nỗi nhớ, sự gắn bó thì không chia li, rời cắt. Họ cố dõi theo nhau, tìm nhau để mãi mãi thấy nhau.

Vậy mà càng cố gắng, họ càng tuyệt vọng. Do đó, đến câu thơ cuối cùng, một tiếng kêu đã cất lên:

Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai?

Không dùng cách tả cảnh ngụ tình nữa, nhà thơ trực tiếp nói lên tiếng lòng của nhân vật và tiếng cảm thương của chính mình. Từ "sâu" trong câu thơ cuối này như đúc kết lại tất cả những cung bậc tình cảm ở mười một câu thơ trên. Nỗi buồn li biệt đã nhân lên, dâng trào, trở thành một khối sầu thương, trĩu nặng trong tâm hồn người chinh phụ.

Đoạn ngâm khúc về cuộc chia tay của đôi vợ chồng trong tác phẩm Chinh phụ ngâm cho ta thấy: nỗi sầu chia li của người chinh phụ lúc tiễn chồng ra trận đã như nhuốm cả vào mây, trời, núi non, cảnh vật, cây cối. Nỗi sầu này vừa có ý nghĩa tố cáo chiến tranh phi nghĩa, vừa thể hiện niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ. Đoạn thơ có giá trị nhân đạo, nhân văn thấm thía, về nghệ thuật, đoạn thơ cho ta biết một thể thơ dân tộc với nhiều từ ngữ gần gũi, nhiều biện pháp tu từ (đối lập, điệp từ,...) kết hợp hài hoà với tính nhạc của những dòng thơ song thất lục bát rất linh hoạt, vừa biểu cảm vừa truyền cảm...